

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2013 ĐẾN NGÀY 30/06/2013



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205 Nhà A5, Khu chung cư Đại Kim - Định Công,
Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Thái Sỹ Oai	Thành viên
Ông Trương Đức Thắng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2013)
Ông Đặng Hồng Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 06 năm 2013)

Ban Giám đốc

Ông Trương Đức Thắng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 27 tháng 08 năm 2013)
Ông Đặng Hồng Hải	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 27 tháng 08 năm 2013)
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 10 năm 2013



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3444/2013/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013
của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013 được lập ngày 07 tháng 10 năm 2013 từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHNKT số 0748-2013-072-1
Hà Nội, ngày 07 tháng 10 năm 2013

Nguyễn Thị Thanh Hoa

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHNKT số 1402-2013-072-1



Thành viên hãng **AGN** International / Member Firm of **AGN** International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.558.858.496	16.149.325.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.054.542.132	85.192.490
1. Tiền	111		354.542.132	85.192.490
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.700.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.245.180.000	3.315.500.000
1. Phải thu khách hàng	131		2.786.440.453	2.066.260.453
2. Trả trước cho người bán	132		2.465.347.894	2.465.347.894
5. Các khoản phải thu khác	135	V.2	363.273.090	363.273.090
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(3.369.881.437)	(1.579.381.437)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.259.136.364	12.748.633.318
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.136.364	33.633.318
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.3	12.235.000.000	12.715.000.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.728.465.839	10.534.707.926
II. Tài sản cố định	220		7.318.904.060	6.994.694.286
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	178.478.758	318.522.509
- Nguyên giá	222		1.034.561.547	1.608.936.854
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(856.082.789)	(1.290.414.345)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.5	7.140.425.302	6.676.171.777
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.6	2.464.000.000	2.464.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.300.000.000	3.300.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(836.000.000)	(836.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		945.561.779	1.076.013.640
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	945.561.779	1.076.013.640
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.287.324.335	26.684.033.734

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

MẪU B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013	01/01/2013
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		11.623.993.760	8.604.123.655
I. Nợ ngắn hạn	310		11.623.993.760	8.604.123.655
2. Phải trả người bán	312		1.810.950.920	1.692.125.920
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	1.671.497.076	852.963.232
6. Chi phí phải trả	316		15.599.127	15.599.127
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.9	7.840.472.050	5.757.960.789
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		185.474.587	185.474.587
B- Vốn chủ sở hữu	400		15.663.330.575	18.079.910.079
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.10	15.663.330.575	18.079.910.079
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.610.751.724	2.610.751.724
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		252.355.587	252.355.587
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(7.199.776.736)	(4.783.197.232)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.287.324.335	26.684.033.734



Đặng Hồng Hải
 Tổng Giám đốc
 Ngày 07 tháng 10 năm 2013

Phạm Thị Hậu

Phạm Thị Hậu
 Người lập biểu

Phạm Thị Hậu

Phạm Thị Hậu
 Kế toán trưởng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

MẪU B 02-DN
Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.034.974.545	215.248.986
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.034.974.545	215.248.986
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	304.988.636	185.120.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		729.985.909	30.128.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		2.263.295	225.072.800
7. Chi phí tài chính	22		-	396.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2.378.019.871	1.380.181.535
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.645.770.667)	(1.125.375.749)
12. Chi phí khác	32		770.808.837	-
13. Lợi nhuận khác	40		(770.808.837)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.416.579.504)	(1.125.375.749)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.416.579.504)	(1.125.375.749)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.3	(1.208)	(563)



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 10 năm 2013


Phạm Thị Hậu
Người lập biểu


Phạm Thị Hậu
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến 30/06/2013

MẪU B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	398.720.000	567.760.684
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(251.862.222)	(93.826.337)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(657.666.250)	(1.495.560.025)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (*)	06	2.600.000.000	1.300.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(120.705.381)	(370.772.156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.968.486.147	(92.397.834)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.399.800)	(18.805.454)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.263.295	225.072.800
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	863.495	243.878.254
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.969.349.642	151.480.420
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	85.192.490	10.621.875
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.054.542.132	162.102.295

(*) Thu khác từ hoạt động kinh doanh trong kỳ là 2,6 tỷ đồng. Trong đó có 2 tỷ đồng là tiền thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2013/HDHTKD ngày 15 tháng 05 năm 2013 về việc Hợp tác dự án cung cấp máy gặt đập liên hợp gói thầu của dự án “Cạnh tranh nông nghiệp” giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Công ty Cổ phần đầu tư Vietnamnet.



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 10 năm 2013

Phạm Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Hậu
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 08 năm 2013, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã số cổ phiếu là SRA.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và Thông tư số 244/2011/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Đồng thời Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205 Nhà A5, Khu chung cư Đại Kim - Định Công,
 Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 5 năm.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	285.160.094	83.253.466
Tiền gửi ngân hàng	69.382.038	1.939.024
Các khoản tương đương tiền (*)	1.700.000.000	-
Cộng	2.054.542.132	85.192.490

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Tín - Chi nhánh Hà Nội.

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
Cộng	363.273.090	363.273.090

3. Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	12.115.000.000	12.715.000.000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	120.000.000	-
Cộng	12.235.000.000	12.715.000.000

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2013	229.078.365	332.768.723	1.047.089.766	1.608.936.854
Giảm khác	(21.296.250)	(15.709.091)	(537.369.966)	(574.375.307)
Tại ngày 30/06/2013	207.782.115	317.059.632	509.719.800	1.034.561.547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2013	229.078.365	272.609.828	788.726.152	1.290.414.345
Khấu hao trong kỳ	-	21.387.136	69.770.886	91.158.022
Giảm khác	(21.296.250)	(10.165.456)	(494.027.872)	(525.489.578)
Tại ngày 30/06/2013	207.782.115	283.831.508	364.469.166	856.082.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2013	-	60.158.895	258.363.614	318.522.509
Tại ngày 30/06/2013	-	33.228.124	145.250.634	178.478.758

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013 nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng là 317.099.365 đồng.

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Dự án Mobile Payment	24.789.413	24.789.413
Dự án Trung tâm Datacenter	3.386.455.680	3.386.455.680
Dự án Vân Canh - Hà Tây	3.729.180.209	3.264.926.684
Cộng	7.140.425.302	6.676.171.777

6. Đầu tư dài hạn khác

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Góp vốn vào Công ty CP Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(836.000.000)	(836.000.000)
Cộng	2.464.000.000	2.464.000.000

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty CP Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty CP Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
Công cụ, dụng cụ chưa phân bổ	945.561.779	1.076.013.640
Cộng	945.561.779	1.076.013.640

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT	44.595.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	812.535.250	812.535.250
Thuế thu nhập cá nhân	44.263.032	40.427.982
Các loại phí, lệ phí và các khoản khác	770.103.456	-
Cộng	1.671.497.076	852.963.232

9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	179.340.078	113.896.067
Bảo hiểm y tế	31.972.171	20.303.826
Bảo hiểm thất nghiệp	13.981.673	8.582.768
Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet (*)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara (**)	5.613.240.128	5.613.240.128
Cộng	7.840.472.050	5.757.960.789

(*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần đầu tư Vietnamnet theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2013/HDHTKD ngày 15 tháng 05 năm 2013 về việc Hợp tác dự án cung cấp máy gặt đập liên hợp gói thầu của dự án “Cạnh tranh nông nghiệp”.

(**) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nổi, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

10. Vốn chủ sở hữu

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2012	20.000.000.000	2.451.589.036	243.413.863	565.503.233	23.260.506.132
Lỗi trong năm trước	-	-	-	(5.169.865.985)	(5.169.865.985)
Phân phối lợi nhuận	-	159.162.688	8.941.724	(178.834.480)	(10.730.068)
Số dư tại ngày 01/01/2013	20.000.000.000	2.610.751.724	252.355.587	(4.783.197.232)	18.079.910.079
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(2.416.579.504)	(2.416.579.504)
Số dư tại ngày 30/06/2013	20.000.000.000	2.610.751.724	252.355.587	(7.199.776.736)	15.663.330.575

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

b) Cổ phiếu

	30/06/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu thường	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu thường	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng

Bộ phận quản lý thiết kế website, phần mềm: chuyên quản lý các hoạt động về website, phần mềm.
 Bộ phận quản lý khác: chuyên quản lý các hoạt động đào tạo, đầu tư tài chính...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 30/06/2013)

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Tổng cộng
	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013	30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	21.396.571.759	865.000.000	1.459.760.453	23.721.332.212
Tài sản không phân bổ				3.565.992.123
Tổng tài sản hợp nhất	21.396.571.759	865.000.000	1.459.760.453	27.287.324.335
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	6.940.978.521	15.599.127	2.583.212.527	9.539.790.175
Nợ phải trả không phân bổ				2.084.203.585
Tổng nợ phải trả hợp nhất	6.940.978.521	15.599.127	2.583.212.527	11.623.993.760

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205 Nhà A5, Khu chung cư Đại Kim - Định Công,
 Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2013 đến 30/06/2013)**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Tổng cộng
	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	750.163.636	195.720.000	89.090.909	1.034.974.545
Tổng Doanh thu	750.163.636	195.720.000	89.090.909	1.034.974.545
Khấu hao và chi phí phân bổ	1.964.984.803	493.420.705	224.603.000	2.683.008.507
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	(1.214.821.167)	(297.700.705)	(135.512.091)	(1.648.033.962)
Chi phí không phân bổ				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.214.821.167)	(297.700.705)	(135.512.091)	(1.648.033.962)
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	2.263.295
Lãi (lỗ) khác				(770.808.837)
Chi phí tài chính				-
Lãi trước thuế				(2.416.579.504)
Chi phí thuế TNDN				-
Lãi trong kỳ				(2.416.579.504)

Bảng cân đối kế toán (tại ngày 01/01/2013)

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Tổng cộng
	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013	01/01/2013
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	22.252.622.487	409.298.709	2.464.000.000	25.125.921.196
Tài sản không phân bổ				1.558.112.538
Tổng tài sản hợp nhất	22.252.622.487	409.298.709	2.464.000.000	26.684.033.734
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	7.405.366.048	-	-	7.405.366.048
Nợ phải trả không phân bổ				1.198.757.607
Tổng nợ phải trả hợp nhất	7.405.366.048	-	-	8.604.123.655

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2012 đến 30/06/2012)

	Hoạt động xây	Hoạt động thiết kế	Hoạt động khác	Tổng cộng
	dựng	website, phần mềm		
	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2012	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012	đến 30/06/2012
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	210.860.000	4.388.986	215.248.986
Tổng Doanh thu	-	210.860.000	4.388.986	215.248.986
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	1.537.159.254	28.142.281	1.565.301.535
Kết quả kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(1.326.299.254)	(23.753.295)	(1.350.052.549)
Chi phí không phân bổ				
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(1.326.299.254)	(23.753.295)	(1.350.052.549)
Doanh thu từ các khoản đầu tư				225.072.800
Lãi (lỗ) khác				-
Chi phí tài chính				396.000
Lỗ trước thuế				(1.125.375.749)
Chi phí thuế TNDN				-
Lỗ trong kỳ				<u><u>(1.125.375.749)</u></u>

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205 Nhà A5, khu chung cư Đại Kim - Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/06/2013	đến 30/06/2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.974.545	215.248.986
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</i>	<i>839.254.545</i>	<i>5.188.986</i>
Dịch vụ khác	89.090.909	5.188.986
Dịch vụ xây dựng	750.163.636	-
<i>Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</i>	<i>195.720.000</i>	<i>210.060.000</i>
Dịch vụ thiết kế Website	195.720.000	210.060.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.034.974.545	215.248.986

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN	261.265.995	-
Dịch vụ khác	19.902.359	-
Dịch vụ xây dựng	241.363.636	-
Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN	43.722.641	185.120.000
Dịch vụ thiết kế Website	43.722.641	185.120.000
Cộng	304.988.636	185.120.000

3. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.416.579.504)	(1.125.375.749)
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	(2.416.579.504)	(1.125.375.749)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.208)	(563)

4. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	179.337.590	-
Chi phí nhân công	300.975.061	1.532.860.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	91.158.022	281.503.352
Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.037.652	53.655.441
Chi phí khác bằng tiền	83.816.407	241.887.050
Cộng	912.324.732	2.109.905.843

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.
- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.054.542.132	85.192.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.765.180.000	850.152.106
Đầu tư dài hạn	2.464.000.000	2.464.000.000
Tổng cộng	6.283.722.132	3.399.344.596
Công cụ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	9.651.422.970	7.450.086.709
Chi phí phải trả	15.599.127	15.599.127
Tổng cộng	9.667.022.097	7.465.685.836

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 30/06/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.651.422.970	-	9.651.422.970
Chi phí phải trả	15.599.127	-	15.599.127
Tại ngày 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	7.450.086.709	-	7.450.086.709
Chi phí phải trả	15.599.127	-	15.599.127

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn trong tương lai.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.054.542.132		2.054.542.132
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.765.180.000	-	1.765.180.000
Đầu tư dài hạn	-	2.464.000.000	2.464.000.000
Tại ngày 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.192.490		85.192.490
Phải thu khách hàng và phải thu khác	850.152.106	-	850.152.106
Đầu tư dài hạn	-	2.464.000.000	2.464.000.000

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2013:

	30/06/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số dư bên liên quan		
<u>Phải thu</u>	670.000.000	670.000.000
Công ty Cổ phần Borsmi	670.000.000	670.000.000
<u>Phải trả</u>	7.613.240.128	5.613.240.128
Công ty CP Đầu tư Vietnamnet	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	5.613.240.128	5.613.240.128
<u>Đầu tư dài hạn khác</u>	3.300.000.000	3.300.000.000
Góp vốn vào Công ty CP Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
<u>Tam ứng</u>	11.815.000.000	12.015.000.000
Trần Khắc Hùng	11.815.000.000	12.015.000.000

3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Phòng 205 Nhà A5, Khu chung cư Đại Kim - Định Công,
Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày
01/01/2013 đến ngày 30/06/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 đã được soát xét.



Đặng Hồng Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 07 tháng 10 năm 2013

Phạm Thị Hậu
Người lập biểu

Phạm Thị Hậu
Kế toán trưởng

TH